



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NHÀ XANH
60/19 Nguyễn Du - Phường Hạnh Thông - TP.HCM
ĐT: 0941855835
WEB : nhaxanhxaydug.com

BẢNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG PHẦN THỔ VÀ NHÂN CÔNG HOÀN THIỆN.
CÔNG TRÌNH:.....
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
CHỦ NHÀ:

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ VẬT TƯ	ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG	ĐƠN GIÁ TỔNG	THÀNH TIỀN VẬT TƯ	THÀNH TIỀN NHÂN CÔNG	THÀNH TIỀN TỔNG	GHI CHÚ
A										
	<i>Công tác đất</i>									
1	Đắp cát nền móng công trình	M3		40.000				
2	Chặt đầu cọc	Cọc		85.000		85.000				
3	Gia công, lắp đặt chi tiết neo cọc	Cái		50.000				
4	Đổ cát lót nền	M2		40.000				
5	Rải nilon chống mất nước	M2		15.000				
	<i>Công tác bê tông</i>									
6	Bê tông móng đá 1x2 mác 250, rộng >250cm	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
7	Bê tông móng đá 1x2 mác 150, rộng >250cm	M3		1.200.000	600.000	1.800.000				
8	Bê tông móng đá 1x2 mác 250, rộng >250cm	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
9	Bê tông xà dầm, giằng nhà, đá 1x2 mác 250	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				

10	Bê tông nền, đá 1x2 mác 250	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
11	Bê tông cột, đá 1x2 mác 250, tiết diện <= 0,1m, cao <= 4m	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
	Công tác ván khuôn									
12	SXLD, tháo dỡ ván khuôn móng cột vuông, chữ nhật (BT đổ tại chỗ)	100M2		13.000.000	13.000.000	26.000.000				
13	SXLD, tháo dỡ ván khuôn xà dầm, giằng (BT đổ tại chỗ)	100M2		13.000.000	13.000.000	26.000.000				
	Thép móng									
14	Sản xuất lắp dựng cốt thép móng, đường kính <=10 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
15	Sản xuất lắp dựng cốt thép móng, đường kính <= 18 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
	Thép dầm kiềng									
16	Sản xuất lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng cao <=4m, đường kính <=10 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
17	Sản xuất lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng cao <=4m, đường kính <= 18 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
18	Sản xuất lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng cao <=4m, đường kính > 18 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
	Thép sàn									
19	Sản xuất lắp dựng cốt thép bê máy, đường kính <=10 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
	Thép bể ngầm									
20	Sản xuất lắp dựng cốt thép bê máy, đường kính <=10 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				

	<i>Công tác chống thấm bể ngầm</i>									
21	Làm khớp nối ngăn nước bằng gioăng cao su	Mét		7.000	20.000	27.000				
	<i>Láng bể ngầm</i>									
22	Láng nền, sàn có đánh màu, chiều dày 3cm, vữa mác 100	M2		70.000	60.000	130.000				
23	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa mác 100	M2		80.000	70.000	150.000				
	<i>Công tác khác</i>									
24	Chi phí đặt ống chờ trong bể ngầm	Lô		1.800.000	0	1.800.000				
25	Đóng cọc tràm vào đất cấp II, chiều dài cọc > 2,5 m	100M		900.000	400.000	1.300.000				
B	KẾT CẤU PHẦN THÂN									
	<i>Công tác bê tông</i>									
26	Bê tông cột, đá 1x2 mác 250, tiết diện <= 0,1m, cao <= 16m	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
27	Bê tông xà dầm, giằng nhà, đá 1x2 mác 250	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
28	Bê tông sàn mái đá 1x2 mác 250	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
29	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan đá 1x2 mác 250	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
30	Bê tông cầu thang thường đá 1x2 mác 250	M3		1.800.000	600.000	2.400.000				
	<i>Công tác ván khuôn</i>									
31	SXLD, tháo dỡ ván khuôn cột vuông, chữ nhật (BT đổ tại chỗ) bằng ván ép công nghiệp, có khung xương, cao <=16m	100M2		13.000.000	13.000.000	26.000.000				

32	SXLD, tháo dỡ ván khuôn xà dầm, giằng (BT đổ tại chỗ) bằng ván ép công nghiệp, có khung xương, cao <=16m	100M2		13.000.000	13.000.000	26.000.000				
33	SXLD, tháo dỡ ván khuôn sàn mái (BT đổ tại chỗ) bằng ván ép công nghiệp, có khung xương, cao <=16m	100M2		13.000.000	13.000.000	26.000.000				
34	SXLD, tháo dỡ ván khuôn cầu thang thường (BT đổ tại chỗ)	100M2		13.000.000	13.000.000	26.000.000				
	Công tác thép cốt bê tông									
35	Sản xuất lắp dựng cốt thép cột, trụ cao <=16m, đường kính <=10 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
36	Sản xuất lắp dựng cốt thép cột, trụ cao <=16m, đường kính <=18 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
37	Sản xuất lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng cao <=16m, đường kính <=10 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
38	Sản xuất lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng cao <=16m, đường kính <= 18 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
39	Sản xuất lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng cao <=16m, đường kính > 18 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
40	Sản xuất lắp dựng cốt thép sàn mái cao <=16m, đường kính <=10 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
41	Sản xuất lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước cao<=16m, đường kính<=10mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
42	Sản xuất lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước cao <=16m, đường kính >10mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				
43	Sản xuất lắp dựng cốt thép cầu thang cao <=16m, đường kính <=10 mm	Tấn		19.500.000	5.500.000	25.000.000				

	Công tác xây tường dày 100mm									
44	Xây tường bằng gạch ống 10x10x20, dày<= 10cm, cao <= 16m, vữa xi măng mác 75	M3		1.600.000	1.300.000	2.900.000				
	Công tác xây tường dày 200mm									
45	Xây tường bằng gạch ống 10x10x20, dày<= 30cm, cao <= 16m, vữa xi măng mác 75	M3		1.600.000	1.300.000	2.900.000				
46	Xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác bằng gạch thẻ 5x10x20, <=16m, vữa xi măng mác 75	M3		2.000.000	1.500.000	3.500.000				
	Công tác trát tường trogn và ngoài nhà									
47	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa mác 75	M2		80.000	70.000	150.000				
48	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa mác 75	M2		80.000	70.000	150.000				
49	Trát trụ, cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa mác 75	M2		80.000	70.000	150.000				
50	Trát xà dầm, vữa mác 75	M2		80.000	70.000	150.000				
51	Trát trụ, cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa mác 75	M2		80.000	70.000	150.000				
C	HOÀN THIỆN PHẦN THÂN									
	Hoàn thiện trần									
52	Bả bằng ma tít Jotun vào cột, dầm, trần	M2		0	35.000	35.000				
53	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn Jotun, 1 nước lót 2 nước phủ	M2		0	35.000	35.000				

54	Bả bằng ma tít Jotun vào cột, dầm, trần	M2		0	35.000	35.000				
55	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn Jotun, 1 nước lót 2 nước phủ	M2		0	35.000	35.000				
56	Bả bằng ma tít Jotun vào cột, dầm, trần	M2		0	35.000	35.000				
57	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn Jotun, 1 nước lót 2 nước phủ	M2		0	35.000	35.000				
58	Bả bằng ma tít Jotun vào cột, dầm, trần	M2		0	35.000	35.000				
59	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn Jotun, 1 nước lót 2 nước phủ	M2		0	35.000	35.000				
60	Bả bằng ma tít Jotun vào cột, dầm, trần	M2		0	35.000	35.000				
61	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn Jotun, 1 nước lót 2 nước phủ	M2		0	35.000	35.000				
62	Bả bằng ma tít Jotun vào cột, dầm, trần	M2		0	35.000	35.000				
63	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn Jotun, 1 nước lót 2 nước phủ	M2		0	35.000	35.000				
64	Bả bằng ma tít Jotun vào cột, dầm, trần	M2		0	35.000	35.000				
65	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn Jotun, 1 nước lót 2 nước phủ	M2		0	35.000	35.000				
66	Cung cấp, lắp đặt trần gỗ conwood, sơn màu nâu đỏ hoàn thiện	M2		0	450.000	450.000				
	<i>Hoàn thiện tường</i>									
67	Óp tường, trụ, cột, kích thước gạch 400x400mm	M2		0	220.000	220.000				

68	Bả bằng ma tít vào tường	M2		0	35.000	35.000				
69	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn ICI dulux, 1 nước lót 2 nước phủ	M2		0	35.000	35.000				
	<i>Nền tầng trệt</i>									
70	Lát nền, sàn, kích thước gạch 600x600mm, vữa mác 75	M2		0	250.000	250.000				
71	Ốp chân tường, viền tường, viền trụ, cột, kích thước gạch 150x500mm	M2		0	250.000	250.000				
72	Lát nền, sàn, kích thước gạch 300x300mm, vữa mác 75	M2		0	250.000	250.000				
73	Láng nền, sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa mác 75	M2		0	60.000	60.000				
	<i>Nền lầu 1</i>									
74	Lát nền, sàn, kích thước gạch 300x300mm, vữa mác 75	M2		0	250.000	250.000				
75	Láng nền, sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa mác 75	M2		0	60.000	60.000				
	<i>Nền lầu 2</i>									
76	Lát nền, sàn, kích thước gạch 300x300mm, vữa mác 75	M2		0	250.000	250.000				
77	Ốp chân tường, viền tường, viền trụ, cột, kích thước gạch 150x500mm	M2		0	250.000	250.000				
78	Lát nền, sàn, kích thước gạch 600x600mm, vữa mác 75	M2		0	250.000	250.000				
79	Ốp chân tường, viền tường, viền trụ, cột, kích thước gạch 150x500mm	M2		0	250.000	250.000				
80	Láng nền, sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa mác 75	M2		0	60.000	60.000				

	<i>Mài lấy sáng</i>									
81	Sơn sắt thép các loại 3 nước bằng sơn tổng hợp	M2		0	80.000	80.000				
D	PHẦN ĐIỆN NƯỚC									
	<i>Thiết bị vệ sinh</i>									
82	Lắp đặt chậu xí bột	Bộ		0	500.000	500.000				
83	Lắp đặt hộp đựng	Cái		0	50.000	50.000				
84	Lắp đặt chậu rửa loại 1 vòi	Bộ		0	300.000	300.000				
85	Lắp đặt thuyền tắm loại có hương sen	Bộ		0	500.000	500.000				
86	Lắp đặt vòi tắm hương sen loại 1 vòi 1 hương sen	Bộ		0	200.000	200.000				
87	Lắp đặt vòi rửa loại 1 vòi	Bộ		0	200.000	200.000				
88	Lắp đặt chậu rửa loại 1 vòi	Bộ		0	20.944	20.944				
89	Lắp đặt bể chứa nước ngầm	Cái		0	1.000.000	1.000.000				
	<i>Hệ thống cấp nước</i>									
90	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp hàn, đường kính ống 20mm	100M		323.232	578.041	901.273				
91	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp hàn, đường kính ống 25mm	100M		434.343	628.305	1.062.648				
92	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp hàn, đường kính ống 32mm	100M		636.364	653.437	1.289.801				

93	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp hàn, đường kính ống 20mm	100M		323.232	578.041	901.273				
94	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp hàn, đường kính ống 25mm	100M		434.343	628.305	1.062.648				
95	Lắp đặt ống nhựa PVC nối bằng phương pháp hàn, đường kính ống 32mm	100M		636.364	653.437	1.289.801				
96	Cung cấp van phao	Cái		350.000	0	350.000				
97	Cung cấp phao điện	Cái		150.000	0	150.000				
98	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 20mm	Cái		1.502	2.094	3.596				
99	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 20mm	Cái		1.502	2.094	3.596				
100	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm	Cái		2.002	2.513	4.515				
101	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 32mm	Cái		3.003	2.932	5.935				
102	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 32mm	Cái		3.003	2.932	5.935				
103	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm	Cái		2.002	2.513	4.515				
104	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm	Cái		2.002	2.513	4.515				
105	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm	Cái		2.002	2.513	4.515				
106	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 32mm	Cái		3.003	3.350	6.353				

107	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm	Cái		2.002	2.513	4.515				
108	Lắp đặt van ren, đường kính van 32mm	Cái		40.604	6.301	46.905				
109	Lắp đặt van ren, đường kính van <=25mm	Cái		35.484	4.501	39.985				
110	Lắp đặt van ren, đường kính van <=25mm	Cái		36.484	5.144	41.628				
111	Lắp đặt van ren, đường kính van 32mm	Cái		40.604	6.301	46.905				
112	Lắp đặt côn nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 32mm	Cái		3.003	2.932	5.935				
113	Lắp đặt côn nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm	Cái		2.002	2.513	4.515				
114	Lắp đặt côn nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 20mm	Cái		1.502	2.094	3.596				
115	Lắp đặt côn nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 25mm	Cái		2.002	2.513	4.515				
116	Lắp đặt côn nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính 32mm	Cái		3.003	2.932	5.935				
	<i>Hệ thống thoát nước</i>									
117	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối dán keo, đường kính ống 200mm	100M		11.299.030	836.065	12.135.095				
118	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối dán keo, đường kính ống 150mm	100M		7.213.941	663.909	7.877.850				
119	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối dán keo, đường kính ống 100mm	100M		4.302.550	565.893	4.868.443				
120	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối dán keo, đường kính ống 89mm	100M		3.683.588	464.527	4.148.115				

121	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối dán keo, đường kính ống 50mm	100M		1.136.154	402.953	1.539.107				
122	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối dán keo, đường kính ống 40mm	100M		903.040	367.982	1.271.022				
123	Cung cấp FDuPVC	Cái		50.000	0	50.000				
124	Cung cấp RD uPVC D50	Cái		50.000	0	50.000				
125	Cung cấp RD uPVC D80	Cái		75.000	0	75.000				
126	Cung cấp, lắp đặt hồ ga thu nước	Cái		750.000	0	750.000				
127	Lắp đặt phễu thu đường kính 50mm	Cái		15.002	6.702	21.704				
128	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				
129	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 150mm	Cái		61.792	3.351	65.143				
130	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 100mm	Cái		26.326	2.513	28.839				
131	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				
132	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 40mm	Cái		5.015	1.675	6.690				
133	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 50mm	Cái		6.146	1.550	7.696				
134	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				
135	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 100mm	Cái		26.326	2.513	28.839				

136	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 40mm	Cái		5.015	1.675	6.690				
137	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 50mm	Cái		6.146	1.550	7.696				
138	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				
139	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 100mm	Cái		26.326	2.513	28.839				
140	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 150mm	Cái		61.792	3.351	65.143				
141	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 50mm	Cái		6.146	1.550	7.696				
142	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 50mm	Cái		6.146	1.550	7.696				
143	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				
144	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				
145	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				
146	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 150mm	Cái		61.792	3.351	65.143				
147	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 150mm	Cái		61.792	3.351	65.143				
148	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				

149	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.329	2.094	11.423				
150	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 100mm	Cái		26.326	2.513	28.839				
151	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 50mm	Cái		6.146	1.550	7.696				
152	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 50mm	Cái		6.146	1.550	7.696				
153	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.409	2.393	11.802				
154	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 89mm	Cái		9.409	2.393	11.802				
155	Lắp đặt côn nhựa miệng bát nối bằng dán keo, đường kính 100mm	Cái		26.426	2.871	29.297				
	Hệ thống điều hòa không khí và thông gió									
156	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x2,5mm ²	Mét		35.000	1.257	36.257				
157	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x2mm ²	Mét		1.576	1.257	2.833				
158	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính ống <= 34mm	Mét		23.460	12.147	35.607				
159	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính ống <= 27mm	Mét		17.600	10.891	28.491				
160	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính ống <= 27mm	Mét		17.600	10.891	28.491				
161	Phụ kiện khác (Ty treo, giá đỡ...)	Lô		1.500.000	0	1.500.000				

	<i>Hệ thống điện - chống sét</i>									
162	Lắp đèn ống dài 1,2m, loại hộp đèn 1 bóng	Bộ		0	14.242	14.242				
163	Lắp đèn sát trần có chụp	Bộ		0	11.309	11.309				
164	Lắp đặt đèn tường kiểu ánh sáng hắt	Bộ		0	13.572	13.572				
165	Lắp công tắc điện, loại có 1 hạt trên công tắc	Cái		0	7.540	7.540				
166	Lắp công tắc điện, loại có 2 hạt trên công tắc	Cái		0	8.294	8.294				
167	Lắp công tắc điện, loại có 3 hạt trên công tắc	Cái		0	9.047	9.047				
168	Lắp công tắc điện, loại có 4 hạt trên công tắc	Cái		0	9.801	9.801				
169	Lắp công tắc điện, loại có 1 hạt trên công tắc	Cái		0	7.540	7.540				
170	Lắp ổ cắm điện, loại đôi	Cái		0	9.047	9.047				
171	Lắp ổ cắm điện, loại đơn	Cái		0	7.540	7.540				
172	Lắp ổ cắm điện, loại đôi	Cái		0	9.047	9.047				
173	Lắp ổ cắm điện, loại đôi	Cái		0	9.047	9.047				
174	Lắp đặt chuông điện	Cái		0	15.079	15.079				
175	Lắp đặt automat 1 pha, cường độ dòng điện <=50A	Cái		0	18.850	18.850				
176	Đóng cọc chống sét ống đồng ĐK <=50mm có sẵn	Cọc		0	30.159	30.159				
177	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, kích thước hộp <= 150x150mm	Hộp		3.938	33.928	37.866				

178	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, kích thước hộp <= 150x150mm	Hộp		3.938	33.928	37.866				
179	Lắp đặt kim thu sét, chiều dài 2m	Cái		0	105.556	105.556				
180	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính ống <= 48mm	Mét		5.279	26.388	31.667				
181	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính ống <= 34mm	Mét		3.519	21.865	25.384				
182	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính ống <= 27mm	Mét		2.640	19.604	22.244				
183	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x1,5mm ²	Mét		35.000	2.263	37.263				
184	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x2,5mm ²	Mét		35.000	2.263	37.263				
185	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x4mm ²	Mét		50.000	2.639	52.639				
186	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x6mm ²	Mét		80.000	2.714	82.714				
187	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x16mm ²	Mét		166.890	3.015	169.905				
188	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x10mm ²	Mét		102.000	2.866	104.866				
189	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x25mm ²	Mét		229.450	3.769	233.219				
190	Phụ kiện cho hệ điện sinh hoạt (Ty treo, giá đỡ...)	Lô		2.250.000	0	2.250.000				
191	Lắp đặt automat 3 pha, cường độ dòng điện <= 50A	Cái		0	37.699	37.699				
192	Lắp đặt automat 3 pha, cường độ dòng điện <= 50A	Cái		0	37.699	37.699				
193	Lắp đặt automat 1 pha, cường độ dòng điện <=50A	Cái		0	18.850	18.850				

194	Lắp đặt automat 1 pha, cường độ dòng điện <=50A	Cái		0	18.850	18.850				
195	Lắp đặt automat 1 pha, cường độ dòng điện <=50A	Cái		0	18.850	18.850				
196	Lắp đặt automat 1 pha, cường độ dòng điện <=50A	Cái		0	18.850	18.850				
197	Lắp đặt automat 1 pha, cường độ dòng điện <=50A	Cái		0	18.850	18.850				
198	Lắp đặt automat 1 pha, cường độ dòng điện <= 10A	Cái		0	14.326	14.326				
199	Lắp đặt automat 1 pha, cường độ dòng điện <= 10A	Cái		0	14.326	14.326				
	<i>Hệ thống Internet</i>									
200	Lắp ổ cắm điện, loại đơn	Cái		0	7.540	7.540				
201	Lắp ổ cắm điện, loại đơn	Cái		0	7.540	7.540				
202	Lắp ổ cắm điện, loại đơn	Cái		0	7.540	7.540				
203	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, kích thước hộp <= 200x200mm	Hộp		6.300	40.714	47.014				
204	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x1,5mm ²	Mét		19.545	22.626	42.171				
205	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x1,5mm ²	Mét		19.545	22.626	42.171				
206	Kéo rải dây điện đơn, loại dây 1x1,5mm ²	Mét		19.545	22.626	42.171				
207	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính ống <= 27mm	Mét		2.640	19.604	22.244				
208	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính ống <= 34mm	Mét		3.519	21.865	25.384				

209	Phụ kiện khác (Ty treo, giá đỡ...)	Lô		2.250.000	0	2.250.000				
-----	------------------------------------	----	--	-----------	---	-----------	--	--	--	--